**TOÀ ÁN NHÂN DÂNHUYỆN YÊN DŨNG**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 3 năm 2022
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Bà Ngọ Thị Thanh Hảo
***Các Hội thẩm nhân dân*:** 1. Ông Đào Xuân Thịnh
2. Bà Nguyễn Thị Tin
***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thủy
***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:*** Ông Hoàng Quang Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị T, sinh năm 1973, địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

* *Bị đơn*: Ông Dương Văn Th, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn G, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/8/2021, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:*** Bà và ông Th chung sống với nhau từ ngày 04/8/1990, lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, hai gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán, bà và ông Th không đăng ký kết hôn, vì thời gian lấy nhau bà chưa đủ tuổi kết hôn. Sau khi hai gia đình tổ chức lễ cưới hỏi, bà về nhà ông Th làm

dâu và ở chung cùng với bố mẹ chồng khoảng một năm sau đó vợ chồng ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khi bà sinh con đầu năm 1991, nguyên nhân do ông Th suốt ngày uống rượu, chửi và đánh vợ con, vì con còn nhỏ bà chịu đứng đến năm 2002 bà có làm đơn xin ly hôn tại Tòa án huyện Yên Dũng, nhưng sau đó ông Th hứa sửa chữa vợ chồng lại về đoàn tụ. Đến 30/4/2021, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông Th uống rượu say, đuổi đánh vợ con ra khỏi nhà, bà và các con thuê nhà ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, ông Th không quan tâm gì đến cuộc sống vợ con. Nay bà xác định tình cảm không còn, không thể chung sống với ông Thắm được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Th là vợ chồng.

+ Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là cháu Dương Thị Ngọc Ánh D, sinh 1991; cháu Dương Văn Th, sinh 1993, các cháu đều đã trưởng thành có gia đình riêng. Khi ly hôn bà không yêu cầu giải quyết về con chung

+ Về tài sản chung: Thời gian chung sống, vợ chồng tạo dựng được tài sản chung như sau: Nhà đất tại thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, thửa đất số 237, tờ bản đồ số 04, diện tích 417,6 m2, trên đất có nhà hai tầng. Nguồn gốc đất do hợp tác xã N chia cho vợ chồng bà, năm 2012, vợ chồng làm nhà hai tầng. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay chỉ có ông Th đang ở nhà đất trên. Khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án chia đôi đất để bà còn lấy chỗ ở vì hiện tại ông Th đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà, bà phải thuê nhà chưa có chỗ ở ổn định.

Ngoài ra những đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nhà đất bà yêu cầu chia, đến nay bà và ông Th đã thỏa thuận giải quyết xong về tài sản chung, nay bà xin rút yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của bà và ông Th là nhà đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 04, diện tích 417,6 m2, trên đất có nhà hai tầng, địa chỉ thửa đất thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

+ Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ

Tại phiên tòa bà T trình bày: Bà giữ nguyên ý kiến đã trình bày đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận bà và ông Th là vợ chồng.

- Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và các văn bản giấy tờ khác cho ông Dương Văn Th, ông Th nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Th không ký biên bản giao nhận và không đến Tòa án để cung cấp quan điểm, bản tự khai và hòa giải.

*** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được:**

- Tại biên bản xác minh ông Dương Văn T, trưởng thôn G, xã N, huyện Yên Dũng cung cấp: Bà T và ông Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông Th thường xuyên uống rượu và hay đánh bà T, đuổi bà T và các con ra khỏi nhà. Hiện tại địa phương không thấy bà T sống cùng với ông Th. Nay chị bà T xin ly hôn ông Th, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, bà T, ông Th có hai con chung hiện các con bà T ông Th đã trưởng thành. Về tài sản chung và công nợ địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nếu các đương sự có yêu cầu.

- Tại biên bản xác minh bà Dương Thị Th, cán bộ Tư pháp xã N cung cấp: Sau khi kiểm tra, rà soát sổ theo dõi đăng ký kết hôn tại UBND xã N thì hiện tại UBND xã N chỉ còn lưu giữ sổ đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay, còn sổ đăng ký kết hôn trước năm 1994 không còn lưu giữ. Qua theo dõi sổ đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay không có trường hợp nào là bà Dương Thị T, sinh năm 1973 và ông Dương Văn Th, sinh năm 1971, địa chỉ, thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

**** Quá trình giải quyết vụ án bà T có đơn yêu cầu đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 4,diện tích 417,6 m2, mục đích sử dụng là đất ở, địa chỉ thửa đất thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 072194 ngày 28/11/2018 cho ông Dương Văn Th và bà Dương Thị T và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất trên: Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 26/01/2022, cụ thể như sau:***

- Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất 237, tờ bản đồ số 4,diện tích 417,6 m2, mục đích sử dụng là đất ở, địa chỉ thửa đất thôn G, xã N, huyện

Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 072194 ngày 28/11/2018 cho ông Dương Văn Th và bà Dương Thị T. Đất có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Tây giáp đất nhà chị Dương Thị Ngọc Ánh D; phía Đông giáp đất nhà ông Thân Văn Đ; phía Nam giáp đường liên thôn; phía Bắc giáp đất nhà ông Thân Văn V và ông Dương Văn Ch

Trên đất có 01 nhà cấp ba loại 2, 2 tầng, diện tích 133,6m2; 01 kiốt loại A, diện tích 77,26m2.

- Kết quả định giá tài sản: Đất theo giá của Nhà nước là 1.620.000 đồng/1m2; theo giá chuyển nhượng thực tế tại địa phương là 14.616.000 đồng/1m2. Tổng giá trị tài sản trên đất là 487.792.800 đồng.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Không công nhận bà Dương Thị T và ông Dương Văn Th là vợ chồng; Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà T đối với ông Th; Án phí và chi phí tố tụng: Bà Dương Thị T phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục sửa chữa sai phạm: Không có

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Dương Văn Th chung sống với nhau như vợ chồng từ từ ngày 04/8/1990, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn là trái với qui định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Bà T xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 1991 nguyên nhân mâu thuẫn do ông Th uống rượu say, đánh đuổi vợ con, năm 2002 bà T đã làm đơn xin ly hôn ông Th tại Tòa án nhưng vì con nhỏ và ông Th hứa sửa chữa bà rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Ngày 30/4/2021, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông Th

uống rượu say, đuổi đánh vợ con ra khỏi nhà, bà T và các con thuê nhà ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Th là vợ chồng. Còn ông Th, Tòa án đã giao thông báo thụ lý và mở phiên hòa giải nhưng ông Th không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định ông Th không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Mâu thuẫn giữa bà T và ông Thắm đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà T và ông Th có hai con chung là cháu Dương Thị Ngọc Ánh D, sinh 1991; cháu Dương Văn Th, sinh 1993. Hiện các cháu đã trưởng thành, phát triển bình thường. Bà T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Bà T xác định vợ chồng tạo dựng được tài sản chung như sau: Nhà đất tại thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, thửa đất số 237, tờ bản đồ số 04, diện tích 417,6 m2, trên đất có nhà hai tầng. Nguồn gốc đất do hợp tác xã N chia cho vợ chồng tôi, năm 2012, vợ chồng làm nhà hai tầng. Đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Khi ly hôn bà Tiến có yêu cầu Tòa án chia đôi đất.

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/02/2022, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà T rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 4,diện tích 417,6 m2, mục đích sử dụng là đất ở, địa chỉ thửa đất thôn G, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được UBND huyện Yên Dũng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số  072194 ngày 28/11/2018 cho ông Dương Văn Th và bà Dương Thị T, việc rút yêu cầu của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc rút yêu cầu của của bà T và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T  xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền 5.215.000 đồng bà T đã nộp để xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa bà T rút yêu cầu chia tài sản chung, do vậy bà T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 157 và khoản 4 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 157, 165, 217, Điều 218, 219, 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2.** Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Dương Thị T và ông Dương Văn Th là vợ chồng.

2.2. Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300. 000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009273 ngày 18 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện Yên Dũng. Hoàn trả bà Dương Thị T số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án trên.

2.3. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị Tphải chịu 5.215.000 đồng chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận bà T đã thi hành xong.

**3.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Yên Dũng.
- CCTHADS huyện Yên Dũng ;
- UBND xã N;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngọ Thị Thanh Hảo**